

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 26/TGT/DLCD/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÂN GIA THÀNH

Địa chỉ: Thửa đất số 1157, Tờ bản đồ số E3, đường Cây Da, KP Tân Phú, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Điện thoại: 0933 078 039

Fax:

E-mail: info@tangiathanhagri.com

Mã số doanh nghiệp: 3703026247

Số Giấy chứng nhận HACCP: HFM2410

Ngày cấp: 24/06/2025

Nơi cấp: KMR Vietnam Certification Body

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: dưa lưới cô đặc

2. Thành phần: 100% nước ép dưa lưới

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu bao bì:** đóng túi PA hoặc phuy đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- **Quy cách bao gói, Khối lượng tịnh:** 10kg/túi hoặc 200kg/phuy hoặc theo yêu cầu và ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty TNHH SX XNK Thành Công Vina – Chi Nhánh Long An

Địa chỉ J5-6, Khu xưởng Kizuna 3, KCN Tân Kim mở rộng, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh



III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Phù hợp yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

+ QCVN 6:2-2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. HCM, ngày 13 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lai





DƯA LƯỚI CÔ ĐẶC

Thành phần: 100% nước ép dưa hấu

Cách dùng: Làm nguyên liệu trong chế biến

Bảo quản: Bảo quản mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Trọng lượng: 200kg

Chịu Trách Nhiệm Về SP: CÔNG TY TNHH TM XNK TÂN GIA THÀNH

Địa Chỉ: Thửa đất số 1157, Tờ bản đồ số E3, đường Cây Đa, KP Tân Phú,

P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Hotline: 0933 078 039 – 0962 391 934

Email: info@tangiathanhagi.com

Website: tangiathanhagri.com

Thời Hạn sử dụng:

NSX:

HSD:



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TÂN GIA THÀNH**

Customer: **TAN GIA THANH IMPORT EXPORT TRADING COMPANY LIMITED**

Địa chỉ: Thửa Đất Số 1157, Tờ Bản Đồ Số E3, Đường Cây Da, Khu Phổ Tân Phú, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Address: Land Lot No. 1157, Map Sheet No. E3, Cay Da Street, Tan Phu Quarter, Tan Binh Ward, Di An City, Binh Duong Province, Vietnam

Tên mẫu: **DỪA LƯỚI CÔ ĐẶC**

Name of sample: **CONCENTRATED CANTALOUPE**

Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong túi kín, bên ngoài có dán nhãn ghi thông tin mẫu

State of Sample: Sample is contained in a sealed bag with an external label displaying sample information

Ngày nhận mẫu: 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm: 11/09 - 17/09/2025

Date of receiving: Test period

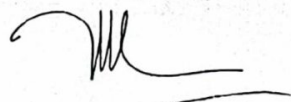
Ngày trả kết quả: 18/09/2025

Date of issue

Kết quả: Xem trang 2/2

Results: View page 2/2

Phụ trách Kiểm nghiệm
Responsible for testing



Lê Nguyễn Hạ My

KT. Giám Đốc/ Phó Giám Đốc
Director/ Vice Director



Nguyễn Kim Liễu

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
- Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.
- (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*) Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện/ ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện/ For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

STT No.	CHỈ TIÊU PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH PHÁP THỦ RESULT TEST METHOD	
01	Độ Brix Degree Brix	-	59.1	TCVN 4414:1987
02	pH	-	3.88	TCVN 12348:2018 (*)
03	Chỉ số acid, tính trong phần chất béo chiết từ sản phẩm Acid value calculated in extracted fat from the product	mgKOH/g béo	KPH/ND (LOD=0.1)	Ref. TCVN 6127:2010, TCVN 12940:2020 (*)
04	Arsen (As)	mg/kg	KPH/ND (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2015.01 (*)
05	Thủy ngân (Hg) Mercury (Hg)	mg/kg	KPH/ND (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2015.01 (*)
06	Cadmi (Cd) Cadmium (Cd)	mg/kg	KPH/ND (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2015.01 (*)
07	Chì (Pb) Lead (Pb)	mg/kg	KPH/ND (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2015.01 (*)
08	Tổng số vi sinh vật hiếu khí Total Plate Count	CFU/g	< 10	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022 (*)
09	Coliforms	CFU/g	< 10	ISO 4832:2006 (*)
10	Escherichia coli	CFU/g	< 10	ISO 16649-2:2001 (*)
11	Tổng số nấm men - nấm mốc Total Yeasts and Moulds	CFU/g	< 10	ISO 21527-1:2008 (*)